

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2381 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 14 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, quốc gia và của tỉnh Bình Phước tổ chức

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Thể dục Thể thao ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục Thể thao ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2099/TTr-SVHTTDL ngày 12/8/2021; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2077/STC-HCSN ngày 29/7/2021; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn 385/STP-PC ngày 04/8/2021;

Theo kết luận cuộc họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 01/9/2021 (Thông báo số 439/TB-UBND ngày 11/9/2021 của UBND tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, quốc gia và của tỉnh Bình Phước tổ chức, cụ thể:

1. Huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh Bình Phước đạt thành tích tại các đại hội, giải vô địch thế giới từng môn, giải vô địch châu Á từng môn, giải vô địch Đông Nam Á từng môn được hưởng mức thưởng như sau:

a) Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao thế giới gồm: Đại hội Olympic, giải vô địch thế giới từng môn; ngoài số tiền được thưởng theo Nghị định

số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ; được thưởng thêm: Huy chương vàng không quá 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*); Huy chương bạc không quá 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*); Huy chương đồng không quá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

b) Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao châu lục gồm: Đại hội thể thao Châu Á, giải vô địch Châu Á từng môn; ngoài số tiền được thưởng theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ; được thưởng thêm: Huy chương vàng không quá 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*); Huy chương bạc không quá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*); Huy chương đồng không quá 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

c) Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao khu vực gồm: Đại hội thể thao Đông Nam Á, giải vô địch Đông Nam Á từng môn; ngoài số tiền được thưởng theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ; được thưởng thêm: Huy chương vàng không quá 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*); Huy chương bạc không quá 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*); Huy chương đồng không quá 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

d) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên của tỉnh Bình Phước đạt thành tích tại các giải thể thao thế giới, châu lục, khu vực thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

2. Vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia được hưởng mức thưởng như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Thành tích Tên cuộc thi	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục các cuộc thi (được thưởng thêm)
1	Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc	30.000.000	15.000.000	7.000.000	7.000.000
2	Giải vô địch quốc gia từng môn	5.000.000	3.500.000	2.500.000	2.500.000
3	Các giải thể thao thuộc hệ thống thi đấu quốc gia (giải cúp, giải miền, giải mở rộng, ...)	3.500.000	2.500.000	1.500.000	1.500.000
4	Giải thể thao dành cho người khuyết tật; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc; các Hội thi, giải thể thao quần chúng	3.500.000	2.500.000	1.500.000	1.500.000

5	Hội thi thể thao từng dân tộc thiểu số toàn quốc	2.500.000	1.500.000	1.000.000	1.000.000
6	Giải vô địch trẻ quốc gia:				
	- Dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi	2.500.000	1.700.000	1.200.000	1.200.000
	- Dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	2.000.000	1.400.000	1.000.000	1.000.000
	- Dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	1.500.000	1.000.000	800.000	800.000
	- Dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	1.000.000	700.000	500.000	500.000
7	Xếp hạng toàn Đoàn từng môn tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	Hạng nhất 10.000.000	Hạng nhì 7.000.000	Hạng ba 5.000.000	
8	Xếp hạng toàn Đoàn tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	Hạng nhất 50.000.000	Hạng nhì 30.000.000	Hạng ba 20.000.000	
9	Xếp hạng toàn Đoàn tại Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc, các Hội thi thể thao quần chúng	Hạng nhất 10.000.000	Hạng nhì 5.000.000	Hạng ba 3.000.000	
10	Xếp hạng toàn Đoàn tại các giải thể thao toàn quốc	Hạng nhất 8.000.000	Hạng nhì 6.000.000	Hạng ba 4.000.000	

3. Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh được hưởng mức thưởng như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Thành tích Tên cuộc thi	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục các cuộc thi (Được thưởng thêm)
1	Các giải vô địch thể thao cấp tỉnh	1.500.000	1.000.000	700.000	700.000
2	Các giải trẻ, giải thể thao dành cho người khuyết tật; hội thi thể thao quần chúng	1.000.000	800.000	500.000	500.000
3	Xếp hạng toàn Đoàn tại các giải thể thao cấp tỉnh	Hạng nhất 2.000.000	Hạng nhì 1.500.000	Hạng ba 1.000.000	

4	Xếp hạng toàn Đoàn tại Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh	Hạng nhất 4.000.000	Hạng nhì 3.000.000	Hạng ba 2.000.000	
5	Xếp hạng toàn Đoàn tại Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh	Hạng nhất 5.000.000	Hạng nhì 4.000.000	Hạng ba 3.000.000	

4. Vận động viên đạt thành tích tại các hội thi, giải thể thao cấp huyện, thị xã, thành phố:

Được hưởng mức thưởng tối đa không quá 80% các mức tương ứng tại khoản 3 Điều này.

Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh: Do UBND các huyện, thị xã, thành phố xem xét và quyết định, thực hiện tối đa không quá 80% các mức tương ứng tại khoản 3 Điều này.

5. Các môn thể thao trao giải khuyến khích từ hạng 04 đến hạng 10 thì mức thưởng như sau:

a) Hạng 04 đến hạng 06: Được thưởng bằng 70% mức thưởng của Huy chương đồng.

b) Hạng 07 đến hạng 10: Được thưởng bằng 50% mức thưởng của Huy chương đồng.

6. Các môn thể thao mà thành tích thi đấu cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi thì mức thưởng đối với nội dung đồng đội như sau: Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên chính thức theo quy định của Điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

7. Các môn thể thao tập thể hoặc các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể (từ 02 vận động viên trở lên): Khi các vận động viên đạt thành tích thì mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên theo quy định của Điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

8. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia được hưởng mức thưởng như sau:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia: Được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng của vận động viên đối với 01 huy chương cao nhất; các huy chương tiếp theo (nếu có) được thưởng 50% so với mức thưởng của vận động viên.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia đối với môn thể thao tập thể hoặc môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể (từ 02 vận động viên trở lên); được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau:

- Từ 02 đến 05 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên;

- Từ 06 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên;

- Trên 13 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

9. Huấn luyện viên, vận động viên Đội tuyển Bóng đá tỉnh Bình Phước thi đấu tại Giải Bóng đá Cup quốc gia, Giải Bóng đá Hạng nhất được hưởng mức thưởng từng trận như sau:

a) Trận thắng: Mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên (tối đa 03 huấn luyện viên theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều này); vận động viên theo quy định của Điều lệ giải nhân với mức thưởng Huy chương vàng cá nhân tại giải vô địch quốc gia từng môn.

b) Trận hòa: Mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên (tối đa 03 huấn luyện viên theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều này); vận động viên theo quy định của Điều lệ giải nhân với mức thưởng Huy chương bạc cá nhân tại giải vô địch quốc gia từng môn.

Điều 2: Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước, từ nguồn kinh phí sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch hằng năm và các nguồn thu hợp pháp khác, cụ thể:

1. Ngân sách tỉnh: Đảm bảo công tác chi các mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, quốc gia và của tỉnh Bình Phước tổ chức.

2. Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố: Đảm bảo công tác chi các mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các hội thi, giải thể thao cấp huyện, thị xã, thành phố và huấn luyện viên đào tạo vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ VH, TT&DL, Bộ TC;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT_(Nga, QĐ87.8.21).

CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền